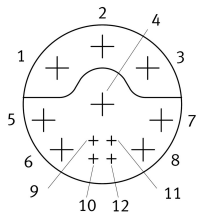
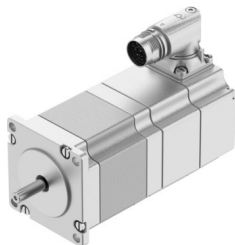


Động cơ bước
EMMT-ST-57-M-RB
Số bộ phận: 8156176

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-15 °C...40 °C
Lưu ý về nhiệt độ môi trường	lên tới 80°C với mức giảm -2%/°C
Độ cao tối đa	4000 m
Lưu ý về chiều cao lắp đặt tối đa	chỉ từ 1.000 m với giảm dần -1,0% trên 100 m
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...70 °C
Độ ẩm tương đối	0 - 90 % không cô đặc
Tuân theo tiêu chuẩn	IEC 60034
Lớp nhiệt theo EN 60034-1	B
Nhiệt độ cuộn dây tối đa	130 °C
Loại đo theo EN 60034-1	S1
Thiết kế động cơ theo EN 60034-7	IM B5 IM V1 IM V3
Vị trí lắp đặt	bất kì
Mức độ bảo vệ	IP40
Lưu ý về mức độ bảo vệ	IP40 cho trục động cơ không phốt trực quay IP65 cho vỏ động cơ bao gồm công nghệ kết nối
Mã giao diện Mô tơ ra	57A
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Giắc cắm kết hợp
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M17x0,75
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	12
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Giấy phép	Dấu RCM c UL us - Recognized (OL)

Đặc tính	Giá trị
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Cơ quan cấp chứng chỉ	UL E342973
Điện áp hoạt động danh định DC	48 V
số cặp cực	50
Mô-men xoắn giữ động cơ	1120 N m
Mô men xoắn cực đại	1100 N m
Số vòng quay tối đa	2600 1/phút
Tốc độ cơ học tối đa	8000 1/phút
Góc bước ở bước đầy đủ	1.8 °
Dung sai góc bước	±5 %
Dòng điện tĩnh liên tục	6600 A
Dòng điện danh định động cơ	5400 A
dòng điện cao điểm	8 A
động cơ không đổi	152 N m/A
Pha không đổi điện áp	13100 mVmin
Pha điện trở cuộn dây	170 Ohm
Giai đoạn điện cảm quanh co trên mỗi giai đoạn riêng lẻ (không liên kết)	500 mH
Cuộn cảm dọc cuộn dây Ld (pha)	700 mH
Cuộn dây cảm ứng ngang Lq (pha)	500 mH
Thời gian điện không đổi	2900 ms
Hệ số thời gian nhiệt	27 phút
Cách nhiệt	1600 K/W
Mặt bích đo	200 x 200 x 15 mm, thép
tổng mômen quán tính đầu ra	0.324 kgcm ²
trọng lượng sản phẩm	1300 g
Tải trọng trục dọc trục cho phép	15 N
Tải trọng trục hướng tâm cho phép	75 N
Mô men giữ phanh	1740 N m
Điện áp vận hành DC phanh	24 V
Tiêu thụ điện phanh	380 A
Mức tiêu thụ năng lượng phanh	9 W
Điện trở cuộn dây phanh	63800 Ohm
cuộn dây phanh điện cảm	107 mH
Thời gian ngắt phanh	32 ms
Thời gian đóng phanh	97 ms
Phanh DC trễ đáp ứng	11 ms
Tốc độ không tải tối đa của phanh	8000 1/phút
Công ma sát tối đa cho mỗi quá trình phanh	6000 J
Số lần dừng khẩn cấp mỗi giờ	1
Mô men quán tính khối lượng của phanh	0.024 kgcm ²
Chu kỳ chuyển mạch phanh giữ	10 triệu lần chạy không tải (không ma sát!)